

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

bà Lại Thị Thúy Hằng

bà Phạm Ngọc Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị H, sinh năm: 1968; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: khu 3, ấp 6, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* ông Phan Nhựt T, sinh năm: 1973; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: khu 3, ấp 6, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày: bà và ông T tìm hiểu và bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trải qua quá trình chung sống, hai người sinh được 4 con chung là Phan Trần V và Phan Trần V1, cùng sinh năm: 1996, Phan Trần Ngọc L, sinh năm: 1999 và Phan Trần Tú L, sinh ngày: 18/4/2002; các cháu V, V1 và Ngọc L đã trưởng thành và có thể tự lao động nuôi sống bản thân, riêng cháu Tú L chưa đủ 18 tuổi và còn đang đi học.

Trong thời gian chung sống, bà H nhiều lần bị ông T đánh đập trong lúc ông T say xỉn và khi ghen tuông vô cớ; nhiều lần bà đã cho ông T cơ hội sửa đổi để vợ chồng hàn gắn, tiếp tục chung sống nhưng ông T vẫn không thay đổi nên bà yêu cầu ly hôn ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu Tú L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu, bà sẽ tự thực hiện việc chu cấp cho cháu Tú L và không đề nghị Tòa án ghi nhận nghĩa vụ cấp dưỡng của bà đối với cháu Tú L. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải, bị đơn là ông Phan Nhựt T trình bày: ông thống nhất với lời khai của bà H về quá trình chung sống giữa hai người, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông thừa nhận, hai năm trở về trước, do ông thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn nên thường xuyên đánh vợ vô cớ, có lần ông đánh vợ vì ghen tuông. Tuy nhiên, hai năm trở lại đây, ông có bớt nhậu nên cũng có bớt đánh bà H. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông xác định còn thương vợ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn thì ông đồng ý trực tiếp nuôi cháu Tú L theo nguyện vọng của cháu, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần 2 nên việc Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) để giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: bà H và ông T chung sống từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn nên không công nhận là vợ chồng; về con chung: đề nghị giao cháu Tú L cho ông T nuôi, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tú L; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; bà H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giao quyền nuôi con với ông Phan Nhựt T nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn (bà Trần Thị H) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (ông Phan Nhựt T) đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa

lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: bà Trần Thị H và ông Phan Nhựt T thống nhất xác định: hai người đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay, mặc dù cả hai đã thực hiện việc viết tờ khai đăng ký kết hôn nhưng sau đó đã không tiến hành bước đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã S. Theo kết quả xác minh tại UBND xã S vào ngày 08/11/2019 thể hiện: bà H và ông T đã tiến hành lập tờ khai đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào ngày 25/10/1994, nhưng khi hết thời hạn niêm yết tờ khai đăng ký kết hôn thì hai người không đến UBND xã để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi tra cứu sổ theo dõi kết hôn được lưu trữ từ năm 1994 đến nay cho thấy UBND xã S không cấp giấy chứng nhận kết hôn cho trường hợp bà Trần Thị H và ông Phan Nhựt T. Xét thấy, tại thời điểm hai người bắt đầu sống chung thì cả hai đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật thời điểm đó; trải qua thời gian dài chung sống cho đến nay bà H và ông T vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật HN&GD Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD); do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật HN&GD không công nhận bà Trần Thị H và ông Phan Nhựt T là vợ chồng.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà H và ông T thống nhất giao cháu Tú L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với nguyện vọng của cháu L nên HĐXX quyết định giao cháu Tú L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; ông T không yêu cầu nên tạm thời bà H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tú L.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: bà Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; các điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Trần Thị H và ông Phan Nhựt T là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu Phan Trần Tú L, sinh ngày: 18/4/2002 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời bà Trần Thị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phan Trần Tú L.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001608 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam